

## MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM TÂM LÝ HỌC VIÊN Y KHOA NĂM THỨ 4 VÀ MỐI LIÊN QUAN VỚI KẾT QUẢ HỌC TẬP

*Đặng Quốc Huy<sup>1\*</sup>, Nguyễn Sỹ Tuấn<sup>1</sup>, Nguyễn Đức Kiên<sup>1</sup>  
Đào Trung Hải<sup>1</sup>, Phùng Văn Hành<sup>1</sup>*

### Tóm tắt

**Mục tiêu:** Phân tích đặc điểm tâm lý của học viên (HV) y khoa năm thứ 4 và mối liên quan đến kết quả học tập, từ đó, bước đầu định hướng năng lực chuyên khoa thể mạnh. **Phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang, kết hợp phân tích các chỉ tiêu tâm lý bằng bộ câu hỏi trắc nghiệm trên 159 HV y khoa năm thứ 4 tại Học viện Quân y (HVQY). **Kết quả:** 69 HV khí chất bình thản (43,4%), 25 HV khí chất nóng nảy (15,7%), 40 HV khí chất linh hoạt (25,2%) và 4 HV khí chất trầm tư (2,5%). 86 HV mức độ lo lắng cao (54,09%), 69 HV mức độ lo lắng vừa (43,4%), chỉ 4 HV mức lo lắng thấp (2,51%). Nhóm HV khí chất nóng nảy và khí chất linh hoạt lần lượt có điểm trung bình môn khối Nội là  $7,91 \pm 0,43$  và  $7,50 \pm 0,42$ ; khối Ngoại là  $7,49 \pm 0,43$  và  $7,93 \pm 0,27$ , sự khác biệt về điểm số của hai nhóm có ý nghĩa thống kê với  $p = 0,001$  và  $p < 0,001$ . Điểm của HV nhóm có mức độ lo lắng vừa có xu hướng cao hơn nhóm mức độ lo lắng thấp và cao. Ở các mức độ lo lắng khác nhau, kết quả học tập khác biệt không có ý nghĩa thống kê. **Kết luận:** HV y khoa có khí chất nóng nảy học tập môn khối Nội tốt hơn khối Ngoại. Ngược lại, HV có khí chất linh hoạt có điểm trung bình môn khối Ngoại cao hơn môn khối Nội.

**Từ khóa:** Đặc điểm tâm lý; Khí chất; Lo lắng; Học viên y khoa; Kết quả học tập.

## SOME PSYCHOLOGICAL CHARACTERISTICS OF FOURTH-YEAR MEDICAL STUDENTS AND THEIR RELATIONSHIP WITH ACADEMIC PERFORMANCE

### Abstract

**Objectives:** To analyze the psychological characteristics of fourth-year medical students and their relationship with academic performance to preliminarily guide professional competencies. **Methods:** A cross-sectional descriptive study combined with the analysis of psychological indicators using a questionnaire was conducted on

<sup>1</sup>Học viện Quân y

\*Tác giả liên hệ: Đặng Quốc Huy (bsdangquochuy@vmmu.edu.vn)

Ngày nhận bài: 06/9/2024

Ngày được chấp nhận đăng: 07/10/2024

<http://doi.org/10.56535/jmpm.v49i9.1009>

159 fourth-year medical students at Vietnam Military Medical University. **Results:** There were 69 students with a calm temperament (43.4%), 25 with a choleric temperament (15.7%), 40 with a flexible temperament (25.2%), and 4 with a pensive temperament (2.5%). A total of 86 students (54.09%) had a high level of anxiety, 69 students had a moderate level of anxiety (43.4%), and only 4 students had a low level of anxiety (2.51%). The average scores in Internal medicine subjects for students with choleric and flexible temperaments were  $7.91 \pm 0.43$  and  $7.50 \pm 0.42$ , respectively; in Surgery subjects, their average scores were  $7.49 \pm 0.43$  and  $7.93 \pm 0.27$ , respectively. The difference in scores between the two groups was statistically significant, with  $p = 0.001$  and  $p < 0.001$ . Students in the moderate anxiety group tended to have higher scores compared to those in the low and high anxiety groups. The differences in academic performance in Internal medicine and Surgery subjects across different anxiety levels were not statistically significant. **Conclusion:** Medical students with a choleric temperament perform better in Internal medicine subjects than in Surgery subjects. In contrast, students with a flexible temperament have higher average scores in Surgery subjects compared to Internal medicine subjects.

**Keywords:** Psychological characteristic; Temperament; Anxiety; Medical student; Academic performance.

## ĐẶT VẤN ĐỀ

Khí chất là thuộc tính tâm lý phức tạp của cá nhân biểu hiện cường độ, tốc độ, nhịp độ của các hoạt động tâm lý thể hiện sắc thái, hành vi, cử chỉ và tạo nên tính cách từng người. [1]. Quá trình hình thành, phát triển tâm lý và năng lực chuyên môn là một quá trình kéo dài và trải qua nhiều giai đoạn. Từ khi còn nhỏ đến giai đoạn thanh thiếu niên, tính cách dễ dàng thay đổi tùy theo điều kiện sống, giáo dục và thích nghi của mỗi

người [2]. Trong giai đoạn học tập ở bậc đại học, khí chất có sự ổn định và ít thay đổi. Vì thế, mỗi sinh viên thường có cá tính và năng lực riêng. [3]. Lo lắng là một trạng thái cảm xúc căng thẳng, khó chịu và không thoải mái. Lo lắng thích ứng có thể giúp thúc đẩy HV học tập, đồng thời khuyến khích con người làm việc thận trọng trong các tình huống nguy hiểm. Tuy nhiên, khi lo lắng gây ra rối loạn chức năng quá mức thì được coi là rối loạn tâm thần [4, 5].

Tâm lý nghề nghiệp là môn khoa học nghiên cứu mối quan hệ giữa môi trường nghề nghiệp và các quy luật biến đổi tâm lý người lao động ở các lĩnh vực. Môi trường ngành y nói chung và quân y nói riêng, thường có cường độ làm việc căng thẳng cao và kéo dài. Quá trình học tập dễ trở thành bác sỹ đa khoa thường từ 6 - 7 năm. Điều đó đòi hỏi những phẩm chất năng lực học tập toàn diện ở tất cả các môn từ y học cơ sở đến y học lâm sàng. Trong quá trình học tập, khí chất và trạng thái lo âu của HV có ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả thu được. Do mỗi HV lại mang một loại hình khí chất và trạng thái lo lắng không giống nhau, nên mức độ tiếp thu bài giảng với các môn học sẽ khác nhau. Do đó, nghiên cứu được tiến hành tại HVQY nhằm: *Mô tả một số đặc điểm tâm lý của của HV y khoa năm thứ 4 tại HVQY (năm 2024) và phân tích mối liên quan đến kết quả học tập, bước đầu định hướng năng lực chuyên khoa theo thể mạnh của HV y khoa.*

## ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 1. Đối tượng nghiên cứu

159 HV đào tạo bác sỹ đa khoa quân y năm thứ 4 tại HVQY.

\* *Thời gian nghiên cứu:* 6 tháng (từ tháng 12/2023 - 5/2024).

### 2. Phương pháp nghiên cứu

\* *Thiết kế nghiên cứu:* Nghiên cứu mô tả cắt ngang kết hợp phân tích các chỉ tiêu tâm lý bằng bộ câu hỏi trắc nghiệm.

\* *Chọn mẫu nghiên cứu:* Kỹ thuật chọn mẫu toàn bộ 159 HV khóa 56 đang học tập tại HVQY.

\* *Nội dung nghiên cứu:*

Xây dựng bảng hỏi gồm các thông tin liên quan tới HV: Tên, tuổi, lớp, điểm tổng kết năm học, điểm trung bình các module. Bộ câu hỏi khảo sát tâm lý: Aizenka (trắc nghiệm khí chất), Spielberg-Hanin (đánh giá mức độ lo lắng).

Bộ câu hỏi Aizenka bao gồm 57 câu hỏi. Trong số 57 câu hỏi về khí chất có 4 câu hỏi để loại trừ các trường hợp trả lời không trung thực. Kết quả thu được với các câu hỏi mục A < 5 điểm (là những trường hợp trả lời không trung thực). Ở mục B với điểm số các câu hỏi  $\geq 12$  hướng ngoại, hướng nội < 12 điểm. Tương tự với mục C, điểm số  $\geq 12$  là người không ổn định, người ổn định có điểm < 12. Từ đó, chia ra được 4 khí chất như sau [1]:

Khí chất nóng nảy = Hướng ngoại + Không ổn định

Khí chất linh hoạt = Hướng ngoại + Ổn định

Khí chất bình thản = Hướng nội + Ổn định

Khí chất trầm tư = Hướng nội + Không ổn định

Bộ câu hỏi Spielberger-Hanin đánh giá mức độ lo lắng gồm có 40 câu hỏi chia làm 2 phần: 20 câu hỏi đầu về trạng thái lo lắng hiện tại và 20 câu hỏi sau về trạng thái lo lắng thường xuyên kéo dài. Với mỗi câu hỏi, HV trả lời theo mức độ và chọn từ 1 - 4 điểm: 1- Không khi nào. 2- Đôi lúc. 3- Thường xuyên. 4- Luôn luôn.

Kết quả được tính theo công thức riêng cho từng bộ câu hỏi:  $\leq 30$  (mức lo lắng thấp), 31 - 45 (mức lo lắng vừa),  $\geq 46$  (mức lo lắng cao) [1].

Đối với HV y khoa năm thứ 4, hiện tại đã hoàn thành các môn y học cơ sở như Module 1 (Sinh hóa), Module 2 (Mô phôi), Module 3 (Vật lý - Lý sinh), Module 5 (Cơ xương khớp), Module 7 (Tuần hoàn - Mạch máu), Module 12 (Nội tiết); có thể chia ra thành 2 nhóm Module phục vụ cho khối Nội và khối Ngoại. Nhóm Module 1, 2, 3, 12 thuộc các khoa Sinh lý, Sinh hóa, Mô phôi, Nội tiết có liên quan chặt chẽ đến các

chuyên ngành nội khoa; nhóm Module 5, 7 liên quan đến giải phẫu, là tiền đề cho HV học các môn Ngoại khoa.

Để kết quả được khách quan và bảo đảm giữ bí mật thông tin, chúng tôi đã làm đường link dựa trên bảng câu hỏi. Sau đó, link được gửi tới 159 HV y khoa năm 4 của trường. HV ấn vào đường link: <https://forms.gle/FDNZWZgLG1uZGNmj8> và trả lời đầy đủ các nội dung trong bảng các câu hỏi, nhấn nút “Gửi”, kết quả sẽ tự động lưu và chuyển về hòm thư nhóm nghiên cứu.

\* *Xử lý số liệu*: Nhập và xử lý các số liệu trên Excel 2007. Sau đó, phân tích theo phần mềm SPSS 20.0 bằng các thuật toán thống kê thường dùng trong y học.

### 3. Đạo đức nghiên cứu

Tất cả đối tượng tham gia nghiên cứu đều tự nguyện. Mọi thông tin trong quá trình nghiên cứu chỉ phục vụ nghiên cứu khoa học mà không sử dụng cho mục đích nào khác. Số liệu nghiên cứu được Học viện Quân y cho phép sử dụng và công bố. Nhóm tác giả cam kết đây là sản phẩm khoa học chưa được công bố ở bất kỳ tạp chí khoa học nào và không có xung đột lợi ích trong nghiên cứu.

**KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN**

**1. Đặc điểm khí chất của đối tượng nghiên cứu**

Sau khi thu được kết quả cho thấy có 21 trường hợp trả lời không trung thực nên chúng tôi không sử dụng kết quả của 21 trường hợp này, chỉ sử dụng kết quả của 138 HV còn lại.

**Bảng 1.** Phân loại nhóm khí chất HV y khoa năm 4.

Nhóm khí chất	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Khí chất nóng nảy	25	15,7
Khí chất linh hoạt	40	25,2
Khí chất bình thản	69	43,4
Khí chất trầm tư	4	2,5
Tổng	138	100

Trong số 138 HV trả lời trung thực, HV có khí chất bình thản là 69 người (43,4%), khí chất nóng nảy là 25 người (15,7%), khí chất linh hoạt là 40 người (25,2%), khí chất trầm tư (ưu tư) là 4 người (2,5%). Sự phân bố đồng đều ở 3 nhóm khí chất nóng nảy, linh hoạt và bình thản từ 15,7 - 43,4%. Nhóm khí chất trầm tư chiếm tỷ lệ ít nhất (2,5%). Điều này chứng tỏ các HV có nền tảng tâm lý tương đối vững vàng và ổn định, phù hợp với nghề nghiệp chịu đựng căng thẳng cao và áp lực lớn.

**2. Mức độ lo lắng của đối tượng nghiên cứu**

**Bảng 2.** Kết quả phân loại mức độ lo lắng của HV y khoa năm 4.

Mức độ lo lắng	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Cao	86	54,09
Vừa	69	43,40
Thấp	4	2,51
Tổng	159	100

Tiến hành đánh giá mức độ lo lắng tại thời điểm HV y khoa năm 4 đang trong quá trình sinh hoạt học tập bình thường. Qua bảng 2 cho thấy có 86 HV có mức độ sợ hãi, lo lắng cao chiếm tỷ lệ cao nhất (54,09%), 69 HV mức độ lo lắng vừa (43,4%), chỉ có 4 HV ở mức lo lắng thấp (2,51%). Điều đó cho thấy đa số (97,49%) HV y khoa thường xuyên chịu đựng lo lắng do áp lực học tập.

### 3. Mối liên quan giữa khí chất và kết quả học tập hai Module ( $\bar{X} \pm SD$ )

**Bảng 3.** Mối liên quan giữa khí chất và kết quả học tập hai Module.

Nhóm khí chất	Điểm trung bình Module (1, 2, 3, 12)	Điểm trung bình Module (5, 7)	p
Khí chất nóng nảy (n = 25)	7,91 ± 0,43	7,49 ± 0,43	0,001
Khí chất linh hoạt (n = 40)	7,50 ± 0,42	7,93 ± 0,27	< 0,001
Khí chất bình thản (n = 69)	7,65 ± 0,37	7,77 ± 0,40	0,076
Khí chất trầm tư (n = 4)	7,63 ± 0,46	7,80 ± 0,24	-
Tổng số	7,65 ± 0,42	7,76 ± 0,39	0,023

Trong số 69 HV có khí chất bình thản, điểm trung bình các nhóm Module (1, 2, 3, 12) = 7,65 ± 0,37; Module (5, 7) = 7,77 ± 0,40. Với p = 0,076 > 0,05, sự khác nhau giữa kết quả trung bình nhóm Module (1, 2, 3, 12) và module (5, 7) không có ý nghĩa thống kê. Từ đó, có thể nhận định HV có khí

chất bình thản có kết quả học tập các môn học khối Nội (sinh lý, sinh hóa, mô phôi, nội tiết) và khối Ngoại (giải phẫu cơ, xương khớp, tuần hoàn, mạch máu) tương đối giống nhau.

Trong số 25 HV có khí chất nóng nảy, điểm trung bình các nhóm Module (1, 2, 3, 12) = 7,91 ± 0,43; Module

(5, 7) = 7,49 ± 0,43. Mỗi liên quan giữa khí chất nóng nảy với kết quả học tập nhóm Module (1, 2, 3, 12) có ý nghĩa thống kê với  $p = 0,001 < 0,05$ . Từ đó cho thấy HV có khí chất nóng nảy học tập các môn khối Nội (sinh lý, sinh hóa, mô phôi, nội tiết) tốt hơn các môn khối Ngoại.

Trong số 40 HV có khí chất linh hoạt, điểm trung bình nhóm Module (1, 2, 3, 12) = 7,50 ± 0,42, Module (5, 7) = 7,93 ± 0,27. Với  $p < 0,001$ , sự khác biệt có ý

nghĩa thống kê, HV có khí chất linh hoạt và điểm trung bình các môn thuộc nhóm khối Ngoại cao hơn các môn thuộc Module khối Nội.

Nhóm khí chất trầm tư gồm có 4 HV (2,5%). Điểm trung bình các Module (1, 2, 3, 12) là 7,63 ± 0,46, điểm trung bình các Module (5, 7) là 7,80 ± 0,24. Do cỡ mẫu nhỏ, sự khác biệt với các nhóm khí chất khác không có ý nghĩa thống kê.

#### 4. Kết quả học tập theo tình trạng mức độ lo lắng

**Bảng 4.** Mỗi liên quan giữa mức độ lo lắng và kết quả học tập hai Module.

Mức độ lo lắng	Điểm trung bình Module (1, 2, 3, 12)	Điểm trung bình module (5, 7)	p
Cao (n = 86)	7,67 ± 0,45	7,77 ± 0,41	0,118
Vừa (n = 69)	7,70 ± 0,39	7,80 ± 0,41	0,121
Thấp (n = 4)	7,23 ± 0,35	7,43 ± 0,74	-
Tổng (n = 159)	7,67 ± 0,43	7,78 ± 0,42	0,025

Qua bảng kết quả cho thấy ở các mức độ lo lắng khác nhau, kết quả học tập nhóm Module (1, 2, 3, 12) và nhóm Module (5, 7) khác biệt không có ý nghĩa thống kê. Kết quả học tập của nhóm lo lắng vừa có xu hướng cao hơn các nhóm lo lắng thấp và cao.

Thực trạng lo lắng và trầm cảm của sinh viên y trên toàn thế giới là một vấn đề đang được quan tâm do mức độ lo lắng và trầm cảm ngày càng cao, ảnh hưởng lớn đến kết quả học tập. Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng tỷ lệ sinh viên y bị trầm cảm cao hơn gấp 1,5 lần so với

người bình thường [3, 6, 7]. Theo nghiên cứu của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), 27% sinh viên y báo cáo có triệu chứng trầm cảm và 58% sinh viên y báo cáo có mức độ lo lắng cao [8]. Nghiên cứu của Hiệp hội Tâm thần học Hoa Kỳ cũng cho thấy, 30% sinh viên y có các triệu chứng trầm cảm và 49% sinh viên y có các triệu chứng lo âu [6, 7]. Đại học Manchester (Anh) cũng đã tiến hành nghiên cứu và phát hiện 56% sinh viên y năm cuối có điểm cao trên thang đo trầm cảm và 65% sinh viên y năm cuối có điểm cao trên thang đo lo lắng [5].

Giống như sinh viên y trên thế giới, sinh viên y khoa ở Việt Nam cũng phải đối mặt với nhiều yếu tố nguy cơ dẫn đến lo âu và trầm cảm. Theo thống kê, có đến 72,3% sinh viên y có mức độ lo lắng từ nhẹ đến nặng, trong đó, 23,1% có mức độ lo lắng cao [3]. Hiện nay, tỷ lệ HV bị rối loạn lo âu và trầm cảm ở hệ đại học HVQY ngày càng gia tăng, nguyên nhân do áp lực học tập và chấp hành các chế độ theo quy định khiến nhiều HV gặp các vấn đề về tâm lý.

### KẾT LUẬN

Có 69 HV khí chất bình thản (43,4%), khí chất nóng nảy là 25 người

(15,7%), khí chất linh hoạt là 40 người (25,2%) và khí chất trầm tư là 4 người (2,5%). Có 86 HV mức độ sợ hãi, lo lắng cao (54,09%), 69 HV mức độ lo lắng vừa (43,4%), chỉ có 4 HV ở mức lo lắng thấp (2,51%). Nhóm HV khí chất nóng nảy và khí chất linh hoạt có điểm trung bình lần lượt các môn khối Nội =  $7,91 \pm 0,43$  và  $7,50 \pm 0,42$ ; khối Ngoại =  $7,49 \pm 0,43$  và  $7,93 \pm 0,27$ . Sự khác biệt về điểm số của hai nhóm này có ý nghĩa thống kê với  $p = 0,001$  và  $p < 0,001$ . Điểm của HV nhóm lo lắng vừa có xu hướng cao hơn các nhóm lo lắng thấp và cao. Ở các mức độ lo lắng khác nhau, kết quả học tập các môn khối Nội và khối Ngoại khác biệt không có ý nghĩa thống kê.

**Lời cảm ơn:** Nhóm tác giả xin chân thành cảm ơn Khoa Chỉ huy Tham mưu Quân y, các nhà khoa học, giảng viên tại Khoa Y học Quân binh chủng, cán bộ, sinh viên Hệ 4 đã tạo điều kiện, phối hợp cùng nhóm nghiên cứu.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Xuân Thúc. Giáo trình tâm lý học đại cương. Hà Nội. 2007.
2. Đồng Thị Yên. Môi quan hệ giữa khí chất và stress ở học sinh trung học phổ thông. *Luận văn thạc sĩ*, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn. 2013.



3. Nguyễn Thu Hà, Tạ Tuyền Bình, Nguyễn Khắc Hải. Điều tra stress nghề nghiệp ở nhân viên y tế. *Báo cáo khoa học toàn văn trong Hội thảo quốc tế Y học lao động và vệ sinh môi trường lần thứ II*. Hà Nội. 2005.
4. Đặng Phương Kiệt. Stress và đời sống. Hà Nội. 2004.
5. Cacioppo JT, Tassinari LG, Berntson G. Handbook of psychophysiology. *Cambridge University Press*. 2007.
6. Srivastava K, Raju M, Saldanha D, et al. Psychological well-being of medical students. *Medical Journal Armed Forces India*. 2007; 63(2):137-140.
7. El Sheikh MM, Shaker NM, Hussein H, Ramy HA. Impact of personality temperaments and characters on academic performance and specialty selection among a group of Egyptian medical graduates. *International Journal of Social Psychiatry*. 2014; 60(5): 499-507.
8. Shehzad S, Waheed Z, Hussain H, Kabir SK, Ahmad W, Alamzaib M. Academic performance as a function of psychological profile and personality type. *Pakistan Journal of Medical & Health Sciences*. 2022; 16(02):1182-1182.